

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6- 2026
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Oanh.

Bà Trịnh Thị Thủy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Điều Thị Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lâm Đồng.

(Anh Đ có mặt; chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Trịnh Thị Hoa đăng K kết hôn với nhau tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã C, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 04/8/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Vợ chồng tự ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm và không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh Nguyễn Tiến Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị H.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng anh có với nhau 01 con chung là Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 23/6/2017. Khi vợ chồng ly thân thì con chung là cháu H1 vẫn sinh

sống với chị **H** từ năm 2016 cho đến nay. Do vậy, nay anh yêu cầu ly hôn với chị **H** nhưng đồng ý giao con cho chị **H** tiếp tục nuôi con và không tranh chấp về vấn đề nuôi con với chị **H**. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh **Đ** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh **Đ** xác nhận về tài sản chung của anh và chị **H** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh **Đ** xác nhận vợ chồng trong quá trình hôn nhân không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị **Trịnh Thị H** nhưng chị **H** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn chị **H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải. Căn cứ vào khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị **H**.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như ban đầu và bị đơn tiếp tục vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh **Nguyễn Tiến Đ**.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Nguyễn Tiến Đ** và chị **Trịnh Thị H** được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Tiến H1**, sinh ngày 23/6/2017 cho chị **Trịnh Thị H** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, ông **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh **Đ** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của anh **Nguyễn Tiến Đ** yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con với chị **Trịnh Thị H** có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: **Thôn D, xã C, tỉnh Lâm Đồng**. Do vậy, Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

[1.2] Bị đơn chị **Trịnh Thị H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Nguyễn Tiến Đ** và chị **Trịnh Thị H** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã C, tỉnh Lâm Đồng)** ngày 04/8/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa anh **Đ** và chị **H** là hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh **Đ** và chị **H** thì chính quyền địa phương và gia đình chị **H** cung cấp thông tin: Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh **Đ** chị **H** không hòa giải ở địa phương nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, gia đình chị **H** cho biết thực tế vợ chồng anh **Đ**, chị **H** đã tự ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hiện tại chị **H** đồng ý ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không thể về giải quyết ly hôn với anh **Đ**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và nhiều lần triệu tập chị **H** với mục đích tổ chức hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, tuy vậy chị **H** vẫn không có ý kiến và hành động gì nới lỏng cuộc sống hôn nhân với anh **Đ**.

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định mâu thuẫn giữa anh **Đ** và chị **H** đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Đ**, xử cho anh **Nguyễn Tiến Đ** được ly hôn chị **Trịnh Thị H** là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Anh **Đ** xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là **Nguyễn Tiến H1**, sinh ngày 23/6/2017. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2019 cho đến nay chị **H** vẫn là người trực tiếp chăm sóc và nuôi con cho đến nay và anh **Đ** cũng không phản đối về điều này. Vì vậy, tại phiên tòa anh đồng ý giao con chung là **Nguyễn Tiến H1**, sinh ngày 23/6/2017 cho chị **Trịnh Thị H** tiếp tục trực tiếp nuôi con. Qua trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại gia đình chị **H** dưới sự chứng kiến của địa phương cho biết chị **H** vẫn đang là người trực tiếp nuôi con mặc dù chị không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con cũng như tranh chấp với anh **Đ**. Từ những phân tích trên và nhằm đảm

bảo sự phát triển toàn diện của con cũng như đảm bảo sự ổn định của con do vậy cần giao con cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Anh **Đ** xác nhận vợ chồng anh trong quá trình hôn nhân không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và về nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và về nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Buộc anh **Nguyễn Tiến Đ** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Nguyễn Tiến Đ**. Xử cho anh **Nguyễn Tiến Đ** và chị **Trịnh Thị H** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Tiến H1**, sinh ngày 23/6/2017 cho chị **Trịnh Thị H** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh **Nguyễn Tiến Đ** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004208 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV5- Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV5- Lâm Đồng;
- UBND xã Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thủy Nguyễn Ngọc Oanh

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV5- Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV5- Lâm Đồng;
- UBND xã Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thủy Nguyễn Ngọc Oanh

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

